

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **70** /2020/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **16** tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo
tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính
phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc
biệt khó khăn;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính
phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo
viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm
việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT
ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường
Trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4
năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 23 và
Điều 24 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban
hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú và Thông tư số 30/2015/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT;

Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách đối với trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; chế độ đối với chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư được mời giảng dạy, bồi dưỡng đội tuyển của tỉnh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế; hỗ trợ giáo viên đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với học sinh

a) Học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú học 2 buổi/ngày chưa đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

b) Học sinh hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

2. Đối với chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư, giảng viên, giáo viên

a) Chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư được mời giảng dạy, bồi dưỡng đội tuyển của tỉnh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế.

b) Giáo viên Tiếng Anh, giáo viên dạy các môn khoa học tự nhiên của Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành; giáo viên Tiếng Anh các trường Trung học phổ thông, các Trường cao đẳng, Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, Trường Trung học cơ sở Quang Trung và Trường Tiểu học Nguyễn Trãi - thành phố Yên Bái.

3. Đối với trường

a) Các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

b) Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành; các trường Trung học phổ thông, các Trường cao đẳng, Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, Trường Trung học cơ sở Quang Trung và Trường Tiểu học Nguyễn Trãi - thành phố Yên Bái.

Điều 3. Nội dung các chính sách

1. Đối với học sinh và trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học

sinh bán trú

a) Quy định khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

Trường hợp nhà ở xa trường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá, cụ thể như sau:

Đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở: Bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học thuộc các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 2 km trở lên đối với học sinh cấp tiểu học, từ 4 km trở lên đối với học sinh cấp trung học cơ sở; học tại các trường thuộc khu vực II: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 3 km trở lên đối với học sinh cấp tiểu học, từ 5 km trở lên đối với học sinh cấp trung học cơ sở.

Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số: Bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học thuộc các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 6 km trở lên; học tại các trường thuộc khu vực II: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 7 km trở lên; học tại các trường thuộc khu vực I: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 8 km trở lên.

Đối với học sinh trung học phổ thông người dân tộc Kinh là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo: Bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học thuộc các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 6 km trở lên; học tại các trường thuộc khu vực II: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 7 km trở lên; học tại các trường thuộc khu vực I: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 8 km trở lên.

b) Hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh bán trú

Ngoài số kinh phí được Trung ương hỗ trợ để phục vụ việc nấu ăn cho học sinh bán trú theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đối với những trường vượt quá 150 học sinh bán trú/trường, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh như sau:

Đối với trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 3.350.000 đồng/01tháng/50 học sinh; mỗi trường được bố trí tối đa không quá 15 lần định mức/01 tháng và được hưởng không quá 9 tháng/năm.

c) Hỗ trợ kinh phí quản lý học sinh bán trú

Đối với các trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, (nhưng không phải là trường phổ thông dân tộc bán trú) được hỗ trợ kinh phí quản lý học sinh bán trú theo định mức khoán kinh phí bằng 2.235.000 đồng/01 tháng/50 học sinh bán trú; mỗi trường được bố trí tối đa không quá 02 lần định mức/01 tháng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

d) Hỗ trợ ăn trưa đối với học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú

Đối với học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú học 2 buổi/ngày chưa đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ được hỗ trợ tiền ăn trưa bằng 150.000 đồng/01 học sinh/01 tháng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

2. Chính sách đối với chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư tham gia bồi dưỡng đội tuyển tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực và quốc tế

a) Đối với chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia được hưởng 3.000.000 đồng/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học) và chi phí ăn, ở đi lại theo quy định hiện hành. Thời gian bồi dưỡng tối đa 30 buổi/môn/năm học.

b) Đối với chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư bồi dưỡng học sinh thi chọn đội tuyển thi học sinh giỏi cấp khu vực, quốc tế được hưởng 5.000.000 đồng/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học) và chi phí ăn, ở đi lại theo quy định hiện hành. Thời gian bồi dưỡng tối đa 60 buổi/môn/năm học.

3. Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng cho giáo viên đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng cho giáo viên Tiếng Anh, giáo viên dạy các môn khoa học tự nhiên của Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành; giáo viên Tiếng Anh các trường Trung học phổ thông, các Trường cao đẳng, Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, Trường Trung học cơ sở Quang Trung và Trường Tiểu học Nguyễn Trãi - thành phố Yên Bái đạt chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn IELTS 6.5: 20.000.000 đồng/01 chứng chỉ, IELTS 7.0: 25.000.000 đồng/01 chứng chỉ, IELTS 7.5: 30.000.000 đồng/01 chứng chỉ, IELTS 8.0: 40.000.000 đồng/01 chứng chỉ (hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương). Mỗi giáo viên chỉ được hỗ trợ một lần đối với từng mức điểm.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh. Kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hàng năm của các trường để sử dụng và chi trả cho các đối tượng theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII - Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận: *H2*

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh(tự kiểm tra văn bản);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Quỳnh Khánh

